

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 315/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:- Anh NMT, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số 71, Ngõ 64 Đường KG, Quận TX, TP. Hà Nội.

- Chị VTKV, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ 4 NDH, TP, HM, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh NMT và chị VTKV lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2011 tại UBND phường KG (*nay là UBND phường HD*), Quận TX, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Dù hai bên gia đình đã cố gắng động viên, hàn gắn nhưng mâu thuẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị đã ly thân từ năm 2018, đến nay xét thấy không còn tình cảm, hôn nhân gia đình không hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Tiến và chị Vân thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Anh NMT và chị VTKV có 03 con chung là cháu NNL, sinh ngày 24/11/2011, cháu NND, sinh ngày 29/03/2013 và cháu NVNM, sinh ngày 20/01/2017. Ly hôn, anh chị thống nhất giao 02 con chung là cháu NNL và cháu NND cho chị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu

NVNM cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản và nhà đất chung: anh T, chị V trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: anh T, chị V xác nhận anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh NMT tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Sự tự nguyện của anh T là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh NMT và chị VTKV cùng thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Anh NMT và chị VTKV có 03 con chung là cháu NNL, sinh ngày 24/11/2011, cháu NND, sinh ngày 29/03/2013 và cháu NVNM, sinh ngày 20/01/2017. Ly hôn, anh chị thống nhất giao 02 con chung là cháu NNL và cháu NND cho chị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu NVNM cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T và chị V có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

[1.3] Về tài sản và nhà ở chung: Anh T, chị V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4] Về nợ chung: Anh T, chị V xác nhận anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo Biên lai thu số 0037416 ngày 19/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận TX, Hà Nội (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2- Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 2;
- UBND phường Hạ Đình, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hiền